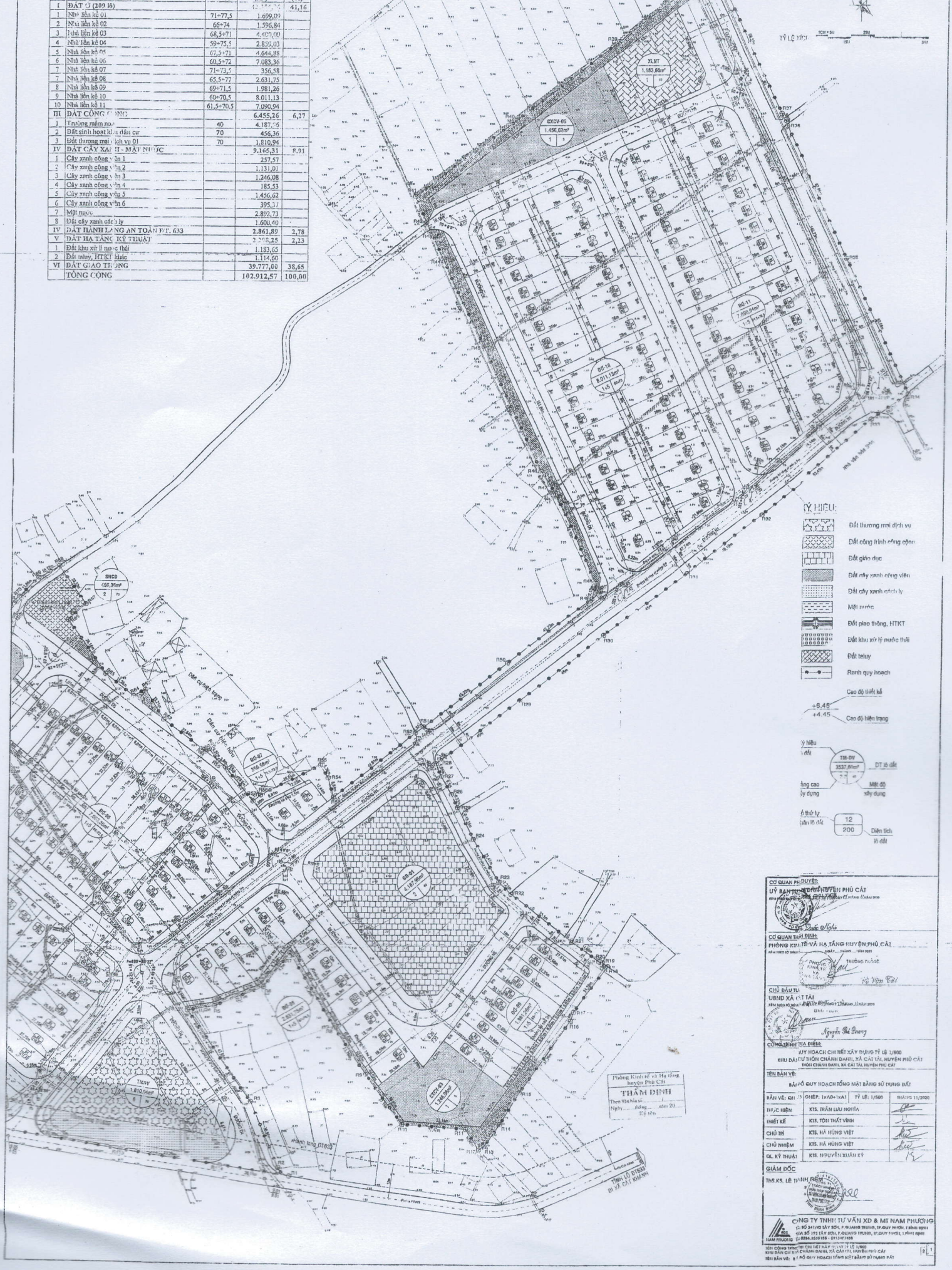I	ĐẤT Ở (209 lô)		42.777,57	41,16
1	Nhà liền kề 01	71÷77,5	1.699,09	
2	Nhà liền kề 02	66÷74	1.596,84	
3	Nhà liền kề 03	68,5÷71	4.400,00	
4	Nhà liền kề 04	59÷75,5	2.859,03	
5	Nhà liền kề 05	67,5÷71	4.644,88	
6	Nhà liền kề 06	60,5÷72	7.083,36	
7	Nhà liền kề 07	71÷73,5	356,58	
7	Nhà liền kề 08	65,5÷77	2.631,75	
8	Nhà liền kề 09	69÷71,5	1.981,26	
9	Nhà liền kề 10	60÷70,5	8.011,13	
10	Nhà liền kề 11	61,5÷70,5	7.090,94	
III	ĐẤT CÔNG CỘNG		6.455,26	6,27
1	Trường mầm non	40	4.187,[illegible]	
2	Đất sinh hoạt khu dân cư	70	456,36	
3	Đất thương mại dịch vụ 01	70	1.810,94	
IV	ĐẤT CÂY XANH - MẶT NƯỚC		9.165,31	8,91
1	Cây xanh công viên 1		257,57	
2	Cây xanh công viên 2		1.131,01	
3	Cây xanh công viên 3		1.246,08	
4	Cây xanh công viên 4		185,53	
5	Cây xanh công viên 5		1.456,02	
6	Cây xanh công viên 6		395,37	
7	Mặt nước		2.892,73	
8	Đất cây xanh cách ly		1.600,40	
IV	ĐẤT HÀNH LANG AN TOÀN ĐT. 633		2.861,89	2,78
V	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT		2.298,25	2,23
1	Đất khu xử lý nước thải		1.183,65	
2	Đất teluy, HTKT khác		1.114,60	
VI	ĐẤT GIAO THÔNG		39.777,00	38,65
	TỔNG CỘNG		102.912,57	100,00